TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2022/KDTM-ST
Ngày: 27 – 4 – 2022
"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Công Quốc**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Xuân Tùng**
Ông **Huỳnh Thanh Trà**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Anh Đào –** Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ly Na**

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2021/TLST-KDTM ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-KDTM ngày 03/3/2022, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2022/TB-TA ngày 21/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-KDTM ngày 29/3/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty Cổ phần H;** Trụ sở: đường Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Thế H –** Chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

- *Bị đơn:* **Công ty Cổ phần Đầu tư XX;** Trụ sở: Ấp X, xã P, huyện C, tỉnh Long An; Địa chỉ giao dịch: 2-4-6 đường số XYZ, Khu dân cư TS, xã B, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Văn T –** Chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Mạc Thị Bích T –** Chức vụ: Thư ký dự án (*Theo văn bản ủy quyền số 2504/202/GUQ- ngày 25/4/2022*). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2021, bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 06/3/2018, Công ty Cổ phần H *(Sau đây gọi tắt là Công ty H)* và Công ty Cổ phần Đầu tư XX *(Sau đây gọi tắt là Công ty XX)* ký với nhau Hợp đồng nguyên tắc số 288/CPHK-XX. Theo Hợp đồng này, Công ty H bán, giao hàng các loại thép xây dựng, thép hình cho Công ty XX thi công công trình Cầu cửa Đại Quảng Ngãi do Công ty XX là đơn vị thi công. Căn cứ nội dung Hợp đồng, Công ty H đã giao đủ số lượng thép và xuất hóa đơn cho Công ty XX. Hai bên đã tiến hành xác nhận công nợ, tính đến ngày 31/10/2021 Công ty XX còn nợ Công ty H số tiền 1.734.371.696đ. Trong đó, nợ gốc là 1.335.456.966đ, nợ lãi chậm trả là 398.914.730đ.

Sau nhiều lần thương lượng và đề nghị thanh toán nhưng phía Công ty XX vẫn không thực hiện. Do đó Căn cứ thỏa thuận tại Điều 7 của Hợp đồng "*Nếu việc thương lượng không đạt kết quả thì tranh chấp sẽ được giải quyết bởi Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng*", Công ty H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng giải quyết buộc Công ty XX phải thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 31/10/2021 theo "*Thư xác nhận công nợ*" là 1.734.371.696đ. Trong đó, nợ gốc là 1.335.456.966đ, nợ lãi chậm trả là 398.914.730đ. Vào ngày 18/3/2022, Công ty XX đã thanh toán cho Công ty H số tiền 50.000.000đ, Công ty H đã trừ số tiền này vào số tiền nợ gốc. Do đó nợ gốc còn lại tính tới thời điểm xét xử là 1.285.456.966đ.

Về tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/11/2021, Công ty H đề nghị Tòa án buộc Công ty XX phải chịu lãi suất theo mức 9%/năm kể từ ngày 01/11/2021 cho đến ngày xét xử 27/4/2022 là 05 tháng 27 ngày tương ứng số tiền là 58.108.277đ. Tổng cộng Công ty H yêu cầu Công ty XX phải thanh toán là 1.742.479.973đ. Trong đó nợ gốc là 1.285.456.966đ, nợ lãi là 457.023.007.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 14/01/2022 và ngày 28/02/2022 đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác nhận có giao kết Hợp đồng số 288/CPHK-XX ngày 06/3/2018, xác nhận đến ngày 31/10/2021 Công ty XX còn nợ Công ty H là 1.734.371.696đ. Trong đó, nợ gốc là 1.335.456.966đ, nợ lãi chậm trả là 398.914.730đ đúng như nội dung Công ty H đề cập tại hồ sơ khởi kiện. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế Công ty đang gặp khó khăn nên Công ty xin trả số tiền này thành nhiều đợt. Đối với lãi suất phát sinh từ ngày 01/11/2021 bị đơn đề nghị nguyên đơn xem xét miễn phần lãi suất này. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất về mức lãi suất 9%/năm và cách tính lãi phát sinh kể từ ngày 01/11/2021 cho đến ngày xét xử nhưng đại diện bị đơn cho rằng điều kiện Công ty gặp khó khăn nên không có khả năng thanh toán đối với số tiền này, mong nguyên đơn xem xét không tính lãi phát sinh để bị đơn có điều kiện thanh toán số tiền như đã xác nhận công nợ.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án:*

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đồng thời đã tiến hành đầy đủ các bước thủ tục tố tụng đảm bảo cho các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Các bên đương sự đã có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thể hiện rõ ý kiến, yêu cầu của mình. Tại phiên tòa, các bên đương sự đều có mặt thực hiện quyền tranh tụng của mình theo quy định. Do đó về mặt thủ tục là đảm bảo, hợp pháp.

Về nội dung: Hợp đồng số 288/CPHK-XX ngày 06/3/2018 được ký kết dựa trên sự tự nguyện, thỏa thuận của hợp đồng không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức nên phát sinh hiệu lực, ràng buộc các bên tham gia ký kết. Nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận số nợ đúng như "*Thư xác nhận công nợ*" ngày 01/11/2021, tính đến ngày ngày 31/10/2021 Công ty XX còn nợ Công ty H là 1.734.371.696đ. Trong đó, nợ gốc là 1.335.456.966đ, nợ lãi chậm trả là 398.914.730đ. Ngày 18/3/2022 Công ty XX đã trả cho Công ty H số tiền 50.000.000đ nên tiền gốc còn lại là 1.285.456.966đ. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị tính lãi suất phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 01/11/2021 đến ngày xét xử 27/4/2022, thời gian là 05 tháng 27 ngày theo mức lãi suất 9%/năm là phù hợp với Điều 50, Điều 306 Luật thương mại, phù hợp với thỏa thuận của các bên về mức lãi suất. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tiền gốc, lãi nói trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về các vấn đề của vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa hai Công ty với nhau và đều vì mục đích lợi nhuận, khi giao kết hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng là nơi Công ty H có trụ sở. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hải Châu thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền;

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự, các bên đương sự đã được tiếp cận, công khai chứng cứ và có lời khai thể hiện ý kiến của mình về các vấn đề của vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều có mặt để thực hiện quyền tranh tụng của mình. Do đó phần thủ tục là đảm bảo, hợp pháp.

[3] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều thừa nhận tính pháp lý của Hợp đồng số 288/CPHK-XX ngày 06/3/2018. Thực hiện hợp đồng, Công ty H đã giao đủ hàng hóa là thép các loại và xuất hóa đơn cho Công ty XX, các bên đã xác nhận công nợ tại "*Thư xác nhận công nợ*" ngày 01/11/2021, theo đó tính đến ngày 31/10/2021 Công ty XX còn nợ

Công ty H số tiền 1.734.371.696đ. Trong đó, nợ gốc là 1.335.456.966đ, nợ lãi chậm trả là 398.914.730đ. Ngày 18/3/2022 Công ty XX thanh toán cho Công ty H 50.000.000đ, số nợ gốc còn lại là 1.285.456.966đ. Hiện nay Công ty XX vi phạm nghĩa vụ thanh toán do đó Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty XX phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền còn nợ theo thư xác nhận giữa các bên là có căn cứ chấp nhận.

Đối với vấn đề lãi suất phát sinh kể từ ngày 01/11/2021, tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị tính lãi suất trên số tiền gốc 1.335.456.966đ kể từ ngày 01/11/2021 đến ngày 17/3/2022, lãi suất trên số tiền gốc 1.285.456.966đ từ tháng 18/3/2022 đến ngày xét xử 27/4/2022 theo mức 9%/năm (0,75%/tháng) là phù hợp với thỏa thuận của các bên *"Trường hợp khi đến hạn thanh toán mà bên B chưa thanh toán cho bên A thì bên B phải chịu lãi suất chậm trả của Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Bắc Sài Gòn công bố tại từng thời điểm nhân với số ngày quá hạn"*, phù hợp quy định tại các Điều 50, Điều 306 Luật thương mại và phù hợp với mức lãi suất Tòa án tham vấn tại Ngân hàng BIDV tại thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ (từ 8,2 đến 9,2%/năm). Tổng số tiền lãi suất phát sinh từ ngày 01/11/2021 đến ngày 27/4/2022 nguyên đơn yêu cầu là 58.108.277đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí tương ứng với phần nội dung chấp nhận của nguyên đơn

[5] Về quyền kháng cáo: Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 275; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 306 Luật Thương mại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần H đối với Công ty Cổ phần Đầu tư XX

* Xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư XX phải trả cho Công ty Cổ phần H số tiền 1.742.479.973đ (*Một tỷ bảy trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi chín ngàn chín trăm bảy mươi ba đồng*) Trong đó nợ gốc là 1.285.456.966đ (*Một tỷ hai trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn chín trăm sáu mươi sáu đồng*), nợ lãi là 457.023.007 (*Bốn trăm năm mươi bảy triệu không trăm hai mươi ba ngàn không trăm không bảy đồng)*.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu

lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bị đơn - Công ty Cổ phần Đầu tư XX phải chịu 64.274.399đ *(Sáu mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn ba trăm chín mươi chín đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần H số tiền tạm ứng án phí là 32.015.575đ *(Ba mươi hai triệu không trăm mười lăm ngàn năm trăm bảy mươi lăm đồng)* theo biên là thu tiền số 0000539 ngày 03/12/2021 của Chi cục Thi hánh án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng;

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *Đương sự;*
- *Chi cục THA DS quận Hải Châu;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đoàn Công Quốc